

NGHỊ QUYẾT

**Về cơ chế đặc thù cho phép khai thác vượt không quá 15% công suất
đối với các giấy phép khai thác khoáng sản than đang còn hiệu lực
nhằm bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 được sửa đổi, bổ
sung một số điều bởi Luật số 147/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi,
bổ sung tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 21/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng
sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và
khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 191/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2026 của
Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại các văn
bản số 3637/TTr-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2026, văn bản số 4895/TTr-BNNMT
ngày 15 tháng 5 năm 2026 và số 5902/BC-BNNMT ngày 06 tháng 6 năm 2026;*

*Chính phủ ban hành Nghị quyết về cơ chế đặc thù cho phép khai thác vượt
không quá 15% công suất đối với các giấy phép khai thác khoáng sản than
đang còn hiệu lực nhằm bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định cơ chế đặc thù, rút gọn thủ tục cho phép khai
thác vượt công suất đối với các giấy phép khai thác khoáng sản than đang còn hiệu
lực nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

2. Nghị quyết áp dụng đối với:

- a) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản than;
- b) Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.



Điều 2. Nguyên tắc áp dụng cơ chế đặc thù

1. Bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia trong tình huống cấp bách, không làm gián đoạn nguồn cung than cho sản xuất điện và các ngành công nghiệp nền tảng.

2. Việc khai thác vượt công suất không được vượt quá trữ lượng than đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép và sản lượng khai thác vượt chỉ được cung cấp, phục vụ cho sản xuất điện.

3. Bảo đảm quản lý chặt chẽ tài nguyên khoáng sản; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động.

Điều 3. Cơ chế khai thác vượt công suất

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác vượt không quá 15% công suất quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản than mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

2. Việc khai thác vượt công suất chỉ được thực hiện sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này. Tổng sản lượng than khai thác (bao gồm cả phần vượt công suất) không vượt trữ lượng than được phép khai thác và phải được theo dõi, giám sát, báo cáo định kỳ theo quy định.

Điều 4. Điều kiện áp dụng

Tổ chức, cá nhân chỉ được áp dụng cơ chế quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực.
2. Có đủ năng lực kỹ thuật, bảo đảm thiết bị, công nghệ đáp ứng công suất khai thác tăng thêm.
3. Bảo đảm an toàn lao động, an toàn mỏ và bảo vệ môi trường.
4. Phần sản lượng than khai thác tăng thêm phải nằm trong phạm vi trữ lượng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép. Sản lượng khoáng sản khai thác vượt chỉ được cung cấp, phục vụ cho sản xuất điện.

Điều 5. Thủ tục đăng ký và kiểm soát

1. Trước khi thực hiện khai thác vượt công suất theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này, tổ chức, cá nhân phải gửi văn bản đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có mỏ và gửi bản sao đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường để biết, theo dõi.

2. Nội dung văn bản đăng ký bao gồm thông tin giấy phép khai thác khoáng sản, trữ lượng được cấp phép còn lại tính đến thời điểm đăng ký, mức đề nghị vượt công suất, thuyết minh về kỹ thuật, an toàn, môi trường, địa chỉ nhà máy điện tiêu thụ đối với phần sản lượng khai thác vượt công suất, cam kết



chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với nội dung đăng ký và chỉ cung cấp sản lượng khai thác vượt công suất cho sản xuất điện.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có mỏ có ý kiến chấp thuận hoặc không chấp thuận nếu không đáp ứng điều kiện và sao gửi bản sao đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường để biết.

Điều 6. Giám sát, báo cáo và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có trách nhiệm:

- a) Báo cáo định kỳ sản lượng than khai thác theo quy định;
- b) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về môi trường, an toàn trong quá trình khai thác;
- c) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính, thuế, phí có liên quan theo quy định.
- d) Phần sản lượng khai thác vượt công suất chỉ được cung cấp, phục vụ cho sản xuất điện.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này và xem xét, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp vi phạm quy định tại Nghị quyết này, ngoài việc phải tạm dừng việc nâng công suất, tổ chức, cá nhân còn có thể bị xem xét thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản và bồi thường thiệt hại theo quy định trong trường hợp xảy ra vi phạm nghiêm trọng.

Điều 7. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

2. Sau thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, việc khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định của giấy phép khai thác khoáng sản được cấp và theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Tổ chức thực hiện:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp nhận, tổng hợp, xử lý các vấn đề liên quan; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan kịp thời theo dõi, hướng dẫn, giải đáp nhằm tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện Nghị quyết này.

c) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết trong phạm vi địa phương mình, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

d) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trung ương khác và chính quyền địa phương đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh

đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b).



**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Phạm Gia Túc